ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 56/BC-UBND	*Long Phú, ngày 18 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quí I năm 2021 trên địa bàn huyện Long Phú

Căn cứ Công văn số 380/SNV-CCHC ngày 02/3/2021 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính;

UBND huyện Long Phú báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý I năm 2021 trên địa bàn huyện Long Phú như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Thực hiện nhiệm vụ CCHC quý I năm 2021, UBND huyện Long Phú ban hành các văn bản triển khai thực hiện như:

- Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 22/01/2021 về thực hiện cải cách hành chính năm 2021;

- Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 09/02/2021 về tuyên truyền cải cách hành chính huyện Long Phú năm 2021;

- Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 01/3/2021 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện Long Phú;

- Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 18/01/2021 về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2021;

- Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 18/01/2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2021;

- Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc ban hành nội quy làm việc của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện;

- Công văn số 164/UBND-VP ngày 10/3/2021 về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

- Công văn số 166/UBND-VP ngày 11/3/2021 về tập trung thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Bên cạnh đó, UBND huyện phân công công chức phụ trách theo dõi và thực hiện công tác CCHC, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Email/điện thoại
1. Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính				
1	Huỳnh Đức	Chủ tịch UBND huyện	Đại học Luật	0913.000.189 hduc@soctrang.gov.vn
2. Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính				
1	Trần Minh Hải	Chuyên viên Phòng Nội vụ	Đại học Luật	0932.932.153 tmhai@soctrang.gov.vn
3. Công chức phụ trách tham mưu Công nghệ thông tin				
1	Nguyễn Văn Quang	Chuyên viên Phòng Văn hóa và Thông tin	Đại học Công nghệ thông tin	0907.007.397 nvquang2@soctrang.gov.vn
4. Công chức phụ trách một cửa				
1	Phan Thị Tố Quyên	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Kinh tế	0814.506.757 pttquyen@soctrang.gov.vn
2	Lâm Trung Hiếu	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	Đại học Quản lý Đất đai	0362.255.580 lthieu@soctrang.gov.vn
3	Phạm Thị Lan	Chuyên viên Phòng Tư pháp	Đại học Luật	0983.638.749 ptlan@soctrang.gov.vn.
4	Đặng Duy Tân	Chuyên viên Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Đại học Xây dựng	0907.244.767 ddtan@soctrang.gov.vn

2. Tóm tắt một số nội dung trong thực hiện nhiệm vụ CCHC

2.1. Cải cách thể chế

UBND huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp tham mưu HĐND, UBND làm tốt công tác rà soát, thẩm định, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL tại địa phương. Trong quý I năm 2021, trên địa bàn huyện Long Phú không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh Sóc Trăng về hoạt động kiểm soát TTHC, Văn phòng đã tham mưu UBND huyện ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC (Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 18/01/2021) và Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 (Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 18/01/2021) trên địa bàn huyện, kết quả nổi bật như sau:

- Về công khai TTHC:

+ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý 418 TTHC, trong đó số TTHC áp dụng tại cấp huyện 255 TTHC; số TTHC áp dụng tại cấp xã 163 TTHC (gồm 127 TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã; 13 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành quân sự áp dụng tại cấp xã; 23 TTHC lĩnh vực đất đai cấp huyện được huyện thực hiện tiếp nhận tại cấp xã theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 08/11/2018 của UBND huyện).

+ Đơn vị đã thực hiện niêm yết, công khai 100% TTHC tại Bộ phận 1 cửa huyện, xã; tại 12/12 cơ quan chuyên môn tham gia giải quyết TTHC; đồng thời thực hiện công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử huyện tại địa chỉ https://longphu.soctrang.gov.vn.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cấp huyện:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 2.574 hồ sơ, trong đó số hồ sơ tiếp nhận mới trong kỳ 1.798 hồ sơ (trực tuyến 236 hồ sơ, trực tiếp 1.562 hồ sơ), số hồ sơ kỳ trước chuyển qua 776 hồ sơ.

Số lượng hồ sơ đã giải quyết 1.378 hồ sơ (1.366 hồ sơ trước hạn, 12 hồ sơ đúng hạn); số hồ sơ đang giải quyết trong hạn 1.196 hồ sơ.

+ Cấp xã:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 11.374 hồ sơ, trong đó số hồ sơ tiếp nhận mới (trực tiếp) trong kỳ 11.348 hồ sơ, số hồ sơ kỳ trước chuyển qua 26 hồ sơ.

Số lượng hồ sơ đã giải quyết trước và đúng hạn 11.366 hồ sơ; số hồ sơ đang giải quyết trong hạn 08 hồ sơ.

- Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC: Bộ phận Một cửa huyện, xã đã thực hiện niêm yết, công khai nội dung tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo Thông báo số 99/TB-VPUBND ngày 16/10/2017 của Văn phòng UBND tỉnh; niêm yết, công khai thông tin đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về hoạt động giải quyết TTHC theo Thông báo số 130/TB-UBND ngày 07/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện để tổ chức, cá nhân được biết.

Việc quản lý, sử dụng tài khoản đăng nhập Hệ thống phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (http://pakn.dichvucong.gov.vn) được công chức đầu mối kiểm soát TTHC cấp huyện quản lý và thường xuyên đăng nhập hệ thống để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo quy định. Kết quả trong kỳ báo cáo, đơn vị chưa nhận được phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

- Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, huyện đã tổ chức thực hiện, kết quả nổi bật như sau:

+ 100% TTHC được cấp huyện, cấp xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

+ Huyện tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền đối với 92 TTHC theo Thông báo số 74/TB-UBND ngày 05/11/2019.

+ Kết quả thực hiện mô hình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai tại UBND các xã, thị trấn (theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 08/11/2018 của UBND huyện): Trong kỳ, có 296/855 hồ sơ đất đai được tiếp nhận tại các xã, thị trấn, chiếm 34,62%. Mô hình này đã tạo thuận lợi cho người dân, giảm thời gian, chi phí và số lần đi lại của tổ chức, cá nhân, giảm tải cho cơ quan tiếp nhận ở huyện.

+ Kết quả thực hiện mô hình đăng ký kinh doanh với đăng ký cấp mã số thuế (theo Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện): Huyện tiếp tục thực hiện mô hình liên thông TTHC về đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã với cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (gồm 05 TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh và 16 TTHC thuộc lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã) và đã mang lại kết quả tích cực. Kết quả, có 86 hồ sơ đã thực hiện đăng ký kinh doanh cùng với đăng ký cấp mã số thuế. Việc thực hiện mô hình trên đã tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân liên hệ thực hiện TTHC, vừa giảm số lần đi lại, vừa rút ngắn thời

gian giải quyết, góp phần đảm bảo 100% hộ kinh doanh, hợp tác xã vừa có giấy chứng nhận ĐKKD, vừa được cấp mã số thuế.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, với tổng số 13 cơ quan. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát, tham mưu UBND huyện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn.

UBND huyện xây dựng và cập nhật, bổ sung thường xuyên đối với quy chế làm việc của UBND huyện, quy định rõ trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên UBND và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trên địa bàn.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

UBND huyện quan tâm triển khai nghiêm túc, thực hiện đúng quy định trong công tác quản lý, sử dụng biên chế công chức trong cơ quan hành chính và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.5. Cải cách tài chính công

Toàn huyện có 13/13 cơ quan hành chính cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan hành chính nhà nước và 11/11 xã, thị trấn thực hiện theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Riêng đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong sự nghiệp lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác.

Toàn huyện có 34 đơn vị ngành và 40 trường học thực hiện ứng dụng các phầm mềm quản lý tài sản, đạt tỷ lệ 100% và 11/11 đơn vị kế toán ngân sách xã đã thực hiện được phần mềm kế toán ngân sách xã, đạt tỷ lệ 100%.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số

2.6.1. Tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị luôn được UBND huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện.

- Hạ tầng CNTT của huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Hiện nay, các phòng, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn đã trang bị cơ bản đảm bảo 01 máy vi tính/01 cán bộ, công chức, 100% máy vi tính được kết nối Internet và mạng LAN. 100% cán bộ, công chức, viên chức ngành huyện và UBND các xã, thị trấn được cung cấp và sử dụng hộp thư điện tử với tên miền soctrang.gov.vn.

UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, tăng cường ứng dụng ký số qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Kết quả, tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

2.6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động

Tiếp tục triển khai thực hiện việc áp dụng, duy trì, cải tiến có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo Hướng dẫn thực hiện tại Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương.

(Kèm theo phụ lục báo cáo).

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Dịch vụ công trực tuyến tuy được tuyên truyền, phổ biến nhưng nhìn chung người dân chưa quan tâm do còn hạn chế về việc sử dụng email, về tài khoản ngân hàng điện tử, việc sử dụng máy vi tính...

- Số lượng hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích tuy phát sinh nhưng chưa nhiều, chủ yếu phát sinh hồ sơ trả kết quả; một số TTHC có hồ sơ phức tạp như đất đai, xây dựng nên người dân thường trực tiếp đến Bộ phận Một cửa để nộp hồ sơ; do tâm lý của người dân còn sợ mất, thất lạc hồ sơ, đồng thời do khoảng cách từ nơi ở của người dân đến Bộ phận Một cửa cấp

huyện, cấp xã không xa, nên đa số người dân thường đến trực tiếp tại Bộ phận Một cửa để nộp và nhận kết quả.

III. Đề xuất, kiến nghị

UBND huyện kiến nghị Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, bổ sung về hình thức xác thực để nhận mã kích hoạt khi đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Sóc Trăng như sau: xem xét bổ sung thêm các nội dung xác thực thông qua số điện thoại di động của cá nhân, Zalo.. để thuận tiện cho người dân khi đăng ký tài khoản trực tuyến. Lý do, việc xác thực bằng một hình thức hiện nay qua địa chỉ email gây khó khăn trong việc đăng ký tài khoản trực tuyến, do đa số người dân không biết và không sử dụng địa chỉ email.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC quý I năm 2021 trên địa bàn huyện Long Phú, UBND huyện báo cáo Sở Nội vụ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ T.SÓC TRĂNG
VIỆT NAM

Ủy ban nhân dân huyện Long Phú
Tỉnh Sóc Trăng
18-03-2021 13:26:22 +07:00

Huỳnh Đức

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn;
- Đài Truyền thanh huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT - LT, PNV.

Ủy ban nhân dân huyện Long Phú
Tỉnh Sóc Trăng
18-03-2021 13:26:35 +07:00

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ

(Kèm theo Báo cáo số 56/BC-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
I	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1	Kế hoạch CCHC		1	Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 22/01/2021
	Số nhiệm vụ được giao trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	11	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	8	
2	Kiểm tra CCHC			
	Số ngành chuyên môn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	Tuyên truyền CCHC		1	Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 09/02/2021
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	50	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại chuyên trang CCHC của tỉnh			
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông	Tin, bài	5	Tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử huyện, tại mục "Tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến"
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp	Không = 0 Có = 1	1	
4	Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	6	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	75	
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	Thời gian tổ chức
7	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	1	Ghi rõ nội dung vi phạm
8	Nhiệm vụ khác (nếu có)		1	Thực hiện nghiêm các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện các biện pháp về Phòng chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo vừa Phòng chống dịch vừa đảm bảo các hoạt động của cơ quan.

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
II	**Cải cách thể chế**			
1	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản	0	Nghị quyết số… Quyết định số …
	Số VBQPPL ban hành đúng tiến độ	Văn bản	0	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	0	
2	Kiểm tra và tự kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
	Số VBQPPL tự kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản	0	
	Số VBQPPL kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản	0	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
	Số VBQPPL phải rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	**Cải cách thủ tục hành chính**			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Không = 0 Có = 1	1	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 18/01/2021
2	Thống kê TTHC			
	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	3	Lĩnh vực thuộc cấp huyện: - Môi trường 01 TTHC (Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 18/01/2021); - Lâm nghiệp 02 TTHC (Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 09/02/2021).
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	3	Lĩnh vực thuộc cấp huyện: - Môi trường 02 TTHC (Quyết định 87/QĐ-UBND ngày 18/01/2021). Lĩnh vực thộc cấp xã: - Môi trường 01 TTHC (Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 18/01/2021).

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	418	
	Số TTHC áp dụng tại UBND cấp huyện	Thủ tục	255	Tổng số TTHC cấp huyện được công bố còn hiệu lực là 256 TTHC, trong đó có 255 TTHC thuộc thẩm quyền của UBND huyện và 01 TTHC thuộc thẩm quyền của UBND thành phố ST.
	Số TTHC áp dụng tại UBND cấp xã	Thủ tục	163	Bao gồm: - 127 TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã; - 13 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành quân sự; - 23 TTHC lĩnh vực đất đai cấp huyện được huyện Long Phú tiếp nhận tại xã.
3	Vận hành Trang một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị			
	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Trang một cửa điện tử	Thủ tục	418	
	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Trang một cửa điện tử	Thủ tục	253	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết	Không = 0 Có =1	1	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	0	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	0	
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	21	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	3	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
6	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính			
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận	Hồ sơ	2,574	Số tiếp nhận mới là 1.798 hồ sơ và số kỳ trước chuyển qua 776 hồ sơ
	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện giải quyết và trả kết quả	Hồ sơ	1,378	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100	Số lượng hồ sơ tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn là 1.378/1.378 hồ sơ giải quyết
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai cấp huyện được giải quyết đúng hẹn	%	100	Số lượng hồ sơ đất đai được giải quyết đúng hẹn là 496/496 hồ sơ đã giải quyết

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng cấp huyện được giải quyết đúng hẹn	%	100	Số lượng hồ sơ xây dựng được giải quyết đúng hẹn là 18/18 hồ sơ đã giải quyết
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận	Hồ sơ	11,374	Số tiếp nhận mới là 11.348 hồ sơ và số kỳ trước chuyển qua 26 hồ sơ
	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã giải quyết và trả kết quả	Hồ sơ	11,366	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	100	Số lượng hồ sơ xây dựng được giải quyết đúng hẹn là 11.366/11.366 hồ sơ giải quyết
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai cấp xã được giải quyết đúng hẹn	%	100	1/1 hồ sơ
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng cấp xã được giải quyết đúng hẹn	%	0	Cấp xã không có lĩnh vực xây dựng
7	Vận hành Cổng dịch vụ công			
	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	418	TTHC được tích hợp lên cổng DVC gồm có mức độ 2, 3 và 4.

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	253	
	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	0	
IV	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	13	
	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số lượng phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số lượng phòng ban trong đơn vị sự nghiệp công lập đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Số liệu về biên chế công chức			
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	85	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	75	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	10	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
	Tổng số người làm việc được giao	Người	1,349	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1,190	
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn			
	Tổng số người làm việc được phê duyệt	Người	11	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	7	
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp huyện	Người	3	
	Số lượng lãnh cấp phòng và tương đương	Người	25	
	Số lượng lãnh đạo các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện	Người	10	
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã	Người	28	
6	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước			
	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Hoạt động thanh tra cấp huyện			
	Số đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số UBND cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	**Cải cách chế độ công vụ**			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Không = 0 Có = 1		Văn bản số …

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành	Không = 0 Có = 1	0	Văn bản số …
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		Chưa thực hiện	
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lê	Người		
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
	Số lãnh đạo UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng chuyên môn thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	3	
	Số lãnh đạo UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người	1	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người		Văn bản số …
	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người		
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
	Kết quả thực hiện thực tế	Người		
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (*cả về Đảng và chính quyền*)			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số công chức chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
	Trong đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn			
	Trong đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần			
	Trong đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo			
VI	**Cải cách tài chính công**			
1	UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo qui định	Có =1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	44	Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 28/01/2018
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ			
	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (*lũy kế đến thời điểm báo cáo*)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (*lũy kế đến thời điểm báo cáo*)			
	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (*lũy kế đến thời điểm báo cáo*)		1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (*lũy kế đến thời điểm báo cáo*)			
	Số đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (*lũy kế đến thời điểm báo cáo*)			
VII	**Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**			
1	Tham gia Hệ thống họp trực tuyến của tỉnh			
	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp huyện	Có =1 Không = 0	1	
	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp xã	Có =1 Không = 1	1	
2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Thực hiện kết nối, liên thông các văn bản điều hành:			
	UBND cấp huyện đã kết liên thông với UBND tỉnh	Có =1 Không = 0	1	
	Số lượng UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	Đơn vị	11	
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị:	Văn bản	4,182	Cấp huyện : 2.605 văn bản Cấp xã: 1.577 văn bản
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	62.15	
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	31.56	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
3	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của huyện			
	UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	Có =1 Không = 0	1	
	Số lượng đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	Đơn vị	11	
4	Dịch vụ công trực tuyến			
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	95	
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	158	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	25	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	4.7	
5	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	Thủ tục	22	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	0	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	10	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	68	
6	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có= 1 Không = 0	1	Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 31/12/2020

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	
	Số UBND cấp xã thực hiện công bố, công bố lại ISO	Cơ quan, đơn vị	11	
	Số UBND cấp xã thực hiện đánh giá nội bộ	Cơ quan, đơn vị		
	Số UBND cấp xã xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Cơ quan, đơn vị		